Thành ủy Hà Nội
Van thu VPTU
/TUHaNoi/DCS/
VN@TUHANOI
Thành ủy Hà Nội
20.05.2026
17:55:12 +07:00

THÀNH ỦY HÀ NỘI

*

Số 74 - KH/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2026

KẾ HOẠCH

sơ kết 01 năm vận hành chính quyền địa phương 02 cấp và tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trên địa bàn Thành phố

Thực hiện Kết luận số 16-KL/TW, ngày 31/3/2026 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về thực hiện một số nội dung, nhiệm vụ trọng tâm hoạt động của tổ chức cơ sở đảng trong quý II/2026; Công văn số 553-CV/TU, ngày 14/4/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy về triển khai thực hiện Kết luận số 16-KL/TW. Nhằm đánh giá toàn diện kết quả sau 01 năm vận hành chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn Thành phố, Ban Thường vụ Thành ủy ban hành Kế hoạch sơ kết 01 năm vận hành chính quyền địa phương 02 cấp và tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trên địa bàn Thành phố, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá toàn diện, khách quan, thực chất hiệu quả vận hành chính quyền địa phương 02 cấp và tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trên địa bàn Thành phố; làm rõ mức độ phù hợp, đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả trong tổ chức thực hiện chủ trương của Trung ương và Thành ủy.

- Phân tích, đánh giá kết quả vận hành theo 04 trục của hệ thống chính trị (Đảng - HĐND - UBND - MTTQ), trong đó cấp xã, phường là cấp trực tiếp tổ chức thực hiện; nhận diện rõ những chuyển biến tích cực, kết quả nổi bật, cách làm hiệu quả; đồng thời chỉ rõ những khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn và nguyên nhân trong quá trình vận hành.

- Đánh giá hiệu quả lãnh đạo, điều hành; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; mức độ cải cách hành chính, chuyển đổi số; chất lượng phục vụ Nhân dân, doanh nghiệp và năng lực quản trị địa phương trong điều kiện vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

- Đánh giá quá trình chuyển đổi phương thức quản trị trong điều kiện vận hành chính quyền địa phương 02 cấp theo hướng chuyển từ tư duy "quản lý" sang "kiến tạo, phục vụ và phát triển"; làm rõ vai trò lãnh đạo, điều hành gắn với yêu cầu thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực quản trị và chất lượng phục vụ Nhân dân, doanh nghiệp.

- Trên cơ sở đó, rút ra bài học kinh nghiệm; đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nhằm tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy, cơ chế vận hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị Thành phố trong giai đoạn tiếp theo.

2. Yêu cầu

- Việc sơ kết phải được tổ chức nghiêm túc, khoa học, khách quan, toàn diện,

đánh giá đúng thực tiễn, đúng hiệu quả vận hành chính quyền địa phương 02 cấp; tránh hình thức, đánh giá chung chung.

- Lấy kết quả thực tiễn và sự hài lòng của người dân, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp làm thước đo trung tâm, gắn với kết quả phát triển kinh tế - xã hội, cải cách hành chính, quốc phòng - an ninh tại địa bàn.

- Bám sát 04 trục vận hành của hệ thống chính trị (Đảng - HĐND - UBND - MTTQ), làm rõ mức độ đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả trong lãnh đạo, điều hành và tổ chức thực hiện; làm rõ trách nhiệm của từng cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị và người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, gắn với kết quả cụ thể; chỉ rõ các khâu yếu, việc khó, địa bàn còn hạn chế.

- Nội dung đánh giá phải gắn với sản phẩm cụ thể, có số liệu minh chứng rõ ràng; làm rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo và tổ chức thực hiện.

- Việc sơ kết được thực hiện đồng bộ từ cơ sở đến Thành phố, gắn với sơ kết 6 tháng đầu năm 2026; bảo đảm tiến độ, chất lượng, hoàn thành đầu tháng 6/2026 theo kế hoạch.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG

1. Phạm vi

Sơ kết toàn diện việc triển khai, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị từ tháng 3/2025 đến ngày 30/5/2026; đồng thời đánh giá kết quả vận hành chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn Thành phố từ ngày 01/7/2025 đến ngày 30/5/2026. Nội dung sơ kết tập trung vào các lĩnh vực trọng tâm về tổ chức bộ máy, công tác cán bộ và chất lượng đội ngũ cán bộ; phân cấp, phân quyền và phân định thẩm quyền; cải cách hành chính và chuyển đổi số; quản lý tài chính, tài sản công, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và hiệu quả quản trị địa phương; lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội; công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị phát sinh trong quá trình vận hành mô hình.

2. Đối tượng

Các cấp ủy, tổ chức đảng; HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội; các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố.

III. NỘI DUNG SƠ KẾT

1. Đánh giá tình hình thực hiện

Tổ chức sơ kết và báo cáo đánh giá toàn diện các nội dung sơ kết theo Đề cương (kèm theo), trong đó lưu ý một số nội dung trọng tâm sau:

1.1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện

- Việc quán triệt, nâng cao nhận thức trong toàn hệ thống chính trị và định hướng dư luận đối với việc sắp xếp đơn vị hành chính và vận hành chính quyền địa phương 02 cấp; mức độ thống nhất nhận thức, đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân; hiệu quả của công tác dân vận chính quyền, công tác nắm bắt, định hướng dư luận xã hội, xử lý các điểm nóng, vấn đề phát sinh và việc thực hiện dân chủ ở cơ sở trong quá trình vận hành.

- Đánh giá việc ban hành, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Trung ương, Thành ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ và các cơ quan, đơn vị; việc kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện; mức độ chủ động, kịp thời trong xử lý các vấn đề phát sinh từ cơ sở và trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

1.2. Về vai trò lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện vận hành chính quyền địa phương 02 cấp

- Đánh giá vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; mức độ chủ động, linh hoạt trong cụ thể hóa chủ trương, định hướng phát triển phù hợp với tình hình địa phương.

- Đánh giá sự chuyển biến trong phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành theo hướng chuyển từ tư duy quản lý hành chính sang quản trị, kiến tạo phát triển; việc tháo gỡ khó khăn, điểm nghẽn, huy động nguồn lực, tạo động lực phát triển.

- Đánh giá kết quả phát triển kinh tế - xã hội; những mô hình, cách làm hiệu quả, khó khăn, vướng mắc và giải pháp trong thời gian tới.

1.3. Về thực hiện chức năng, nhiệm vụ và phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền

- Đánh giá việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cấp, các ngành trong điều kiện vận hành chính quyền địa phương 02 cấp; mức độ rõ ràng, đầy đủ, không chồng chéo trong quy định và tổ chức thực hiện.

- Đánh giá việc phân cấp, phân quyền và phân định thẩm quyền giữa Thành phố và cấp xã; mức độ bảo đảm nguyên tắc "6 rõ"; khắc phục tình trạng chồng chéo, bỏ trống nhiệm vụ, đùn đẩy trách nhiệm hoặc kéo dài thời gian giải quyết công việc trong quá trình phối hợp thực hiện; đánh giá tính đồng bộ, liên thông giữa các cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

1.4. Về tổ chức bộ máy và cán bộ

- Đánh giá tình hình, kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính; việc kiện toàn cơ quan chuyên môn của Thành phố và cấp xã, Trung tâm phục vụ hành chính công. Trong đó, chú trọng đánh giá mức độ hiệu quả hoạt động, sự phù hợp trong quy định về chức năng, nhiệm vụ sau khi sắp xếp; những vướng mắc, khó khăn và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Đánh giá tổng thể việc bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức sau khi sáp nhập các đơn vị sự nghiệp. Trọng tâm là đánh giá mức độ phù hợp giữa vị trí việc làm với trình độ, năng lực của cán bộ, công chức, viên chức; mức độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong điều kiện khối lượng công việc tăng, phạm vi quản lý mở rộng; tình trạng quá tải công việc, áp lực công vụ tại cấp xã sau sắp xếp; những khó khăn, vướng mắc và giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đội ngũ cán bộ trong quá trình vận hành chính quyền địa phương 02 cấp.

- Đánh giá tình hình bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã làm nhiệm vụ hỗ trợ cho hệ thống chính trị tại đơn vị hành chính cấp xã mới kể từ ngày 01/7/2025 đến nay.

- Đánh giá mức độ hiệu lực, hiệu quả vận hành của tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện chức năng quản trị, kiến tạo phát triển và phục vụ Nhân dân, nhất là trong cung ứng dịch vụ công; trong đó làm rõ mức độ thông suốt, liên thông trong xử lý công việc giữa các cấp và các cơ quan; chất lượng, tiến độ giải quyết thủ tục hành chính; mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; khả năng thích ứng của bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức sau sắp xếp; những vấn đề đặt ra nhằm tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả của chính quyền địa phương.

- Đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp đột phá nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ có tư duy đổi mới, năng lực quản trị tiên tiến, năng lực số, đáp ứng yêu cầu kiến tạo phát triển và phục vụ Nhân dân, doanh nghiệp trong giai đoạn mới.

1.5. Về cải cách hành chính, giải quyết thủ tục hành chính, chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp; việc vận hành mô hình bộ phận một cửa, một cửa liên thông và dịch vụ công trực tuyến.

- Đánh giá kết quả cải cách hành chính trong điều kiện vận hành chính quyền địa phương 02 cấp; việc đơn giản hóa, chuẩn hóa quy trình, thủ tục hành chính.

- Đánh giá thực chất hiệu quả vận hành của Trung tâm phục vụ hành chính công; mức độ đáp ứng yêu cầu phục vụ người dân, doanh nghiệp; khả năng phối hợp, liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Đánh giá chất lượng, tiến độ giải quyết thủ tục hành chính; mức độ công khai, minh bạch; việc tiếp nhận, xử lý và trả kết quả cho người dân, doanh nghiệp.

- Đánh giá việc tổ chức và vận hành bộ phận một cửa, một cửa liên thông; mức độ liên thông giữa các cấp, các ngành trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Làm rõ mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến; khả năng tiếp cận và sử dụng của người dân, doanh nghiệp.

- Đánh giá mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với từng nhóm lĩnh vực thủ tục hành chính trọng tâm.

Báo cáo cần trích dẫn số liệu khảo sát, đo lường sự hài lòng độc lập (nếu có) hoặc thông qua kênh giám sát của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội.

1.6. Về đảm bảo nguồn lực tài chính hoạt động của chính quyền cấp xã

- Về phân bổ dự toán ngân sách nhà nước: Đánh giá việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước cho chính quyền cấp xã sau sắp xếp, trong đó làm rõ nguyên tắc, tiêu chí, mức độ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; khả năng đáp ứng yêu cầu hoạt động thường xuyên và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; những khó khăn, bất cập trong quá trình phân bổ và tổ chức thực hiện.

- Đánh giá tình hình thu, chi ngân sách của chính quyền cấp xã; mức độ chủ động trong quản lý, điều hành ngân sách; hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính; việc bảo đảm cân đối ngân sách, chấp hành kỷ luật, kỷ cương tài chính; tình hình nợ đọng, nghĩa vụ tài chính phát sinh (nếu có); những khó khăn, vướng mắc phát sinh, kiến nghị và đề xuất.

- Đánh giá nhu cầu và đề xuất cơ chế, chính sách tài chính đặc thù đối với chính quyền cấp xã sau sắp xếp, nhất là những địa phương có quy mô lớn, điều kiện kinh tế -

xã hội khó khăn hoặc phát sinh nhiệm vụ mới; làm rõ yêu cầu về định mức phân bổ, cơ chế tự chủ và các giải pháp bảo đảm nguồn lực ổn định, lâu dài cho chính quyền cấp xã.

1.7. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài sản công

- Đánh giá tổng thể việc xử lý, sắp xếp, bố trí và sử dụng cơ sở nhà đất, trụ sở làm việc, trang thiết bị, tài sản công sau khi sắp xếp đơn vị hành chính; mức độ đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền địa phương 02 cấp.

- Đánh giá điều kiện bảo đảm hoạt động của bộ máy, bao gồm trụ sở làm việc, phòng họp trực tuyến, trang thiết bị làm việc, hạ tầng kỹ thuật phục vụ điều hành, giải quyết công việc.

- Đánh giá tình hình xử lý tài sản công dôi dư (trụ sở, đất đai, trang thiết bị); số lượng, tỷ lệ và phương án xử lý.

1.8. Về hạ tầng công nghệ, chuyển đổi số

- Đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị Thành phố và các địa phương; hạ tầng công nghệ thông tin, mức độ đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền địa phương 02 cấp.

- Đánh giá việc hình thành dữ liệu dùng chung, khả năng khai thác dữ liệu phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành chuyên môn, nghiệp vụ, giải quyết thủ tục hành chính; mức độ liên thông, kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống, cơ quan, đơn vị.

- Đánh giá mức độ chuẩn hóa, cập nhật và khả năng hình thành cơ sở dữ liệu chuyên ngành, dữ liệu địa phương; đề xuất giải pháp xây dựng hệ dữ liệu dùng chung của Thành phố phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành sau sơ kết.

1.9. Về số hóa và chỉnh lý tài liệu

Đánh giá công tác số hóa, chỉnh lý, quản lý hồ sơ, tài liệu lưu trữ; làm rõ khối lượng, tiến độ số hóa, mức độ hoàn thiện việc chỉnh lý hồ sơ, tài liệu sau sắp xếp đơn vị hành chính; việc tổ chức quản lý, khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ phục vụ công tác quản lý, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính; mức độ bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin; những khó khăn, vướng mắc và nhu cầu nguồn lực trong thời gian tới.

1.10. Về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị

Đánh giá tình hình tiếp công dân; việc tiếp nhận, xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị phát sinh trong quá trình vận hành chính quyền địa phương 02 cấp; làm rõ những khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp thực hiện trong thời gian tới.

2. Về nhiệm vụ và giải pháp trong thời gian tới

2.1. Trên cơ sở kết quả đánh giá toàn diện các nội dung nêu trên, tập trung tổng hợp, phân tích và làm rõ:

(1) Những kết quả nổi bật, chuyển biến tích cực và hiệu quả thực chất trong tổ chức thực hiện và vận hành chính quyền địa phương 02 cấp;

(2) Tác động của việc vận hành chính quyền địa phương 02 cấp đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và đời sống Nhân dân; làm rõ những kết quả nổi bật đạt được, tác động đến hiệu quả quản trị địa phương, môi trường đầu tư, đời sống và mức độ hài lòng của Nhân dân.

(3) Những mô hình, cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả trong tổ chức thực hiện và vận hành; đánh giá khả năng áp dụng, lan tỏa trong toàn Thành phố.

(4) Những hạn chế, tồn tại, khó khăn, vướng mắc chủ yếu, nhất là tại những khâu yếu, việc khó, địa bàn còn nhiều bất cập; các vấn đề phát sinh trong quá trình vận hành chưa được xử lý triệt để hoặc còn thiếu đồng bộ giữa các cấp, các ngành.

(5) Phân tích làm rõ nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại; trong đó: (i) Tập trung nguyên nhân chủ quan gắn với trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị và người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện; (ii) Nguyên nhân khách quan từ cơ chế, chính sách, điều kiện thực tiễn; (iii) Các điểm nghẽn lớn trong vận hành về tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ (năng lực, tư duy, trách nhiệm); phân cấp, phân quyền; cải cách hành chính, chuyển đổi số và hạ tầng dữ liệu; cơ chế phối hợp và quy trình xử lý công việc giữa các cơ quan, đơn vị.

(6) Rút ra bài học kinh nghiệm từ thực tiễn triển khai về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện; về phương thức quản trị, cơ chế phối hợp và xử lý các vấn đề phát sinh, làm cơ sở định hướng hoàn thiện trong thời gian tới.

(7) Đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy định pháp luật nhằm bảo đảm đồng bộ, thống nhất, phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

2.2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và trên cơ sở kết quả đánh giá theo các nội dung nêu trên, xác định rõ các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong thời gian tới nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả vận hành chính quyền địa phương 02 cấp, trong đó tập trung:

- Xác định nhiệm vụ xây dựng, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, dữ liệu địa phương, cơ sở dữ liệu dùng chung và cơ sở dữ liệu phục vụ quản trị, điều hành theo hướng "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, liên thông, dùng chung"; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo và phương thức quản trị mới phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, cơ chế vận hành; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền, cải cách hành chính, tinh giản quy trình công việc, bảo đảm hệ thống chính trị hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

(dự thảo Đề cương báo sơ kết kèm theo)

IV. THỜI GIAN, HÌNH THỨC VÀ TỔ CHỨC SƠ KẾT

Việc tổ chức hội nghị sơ kết bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm, bám sát tinh thần Kết luận số 226-KL/TW, ngày 11/12/2025 của Ban Bí thư về chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; đánh giá đúng thực chất kết quả vận hành chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn Thành phố.

1. Các cấp ủy trực thuộc Thành ủy và các cơ quan, đơn vị Thành phố

- Căn cứ tình hình thực tiễn và yêu cầu nhiệm vụ, các cấp ủy trực thuộc Thành ủy, các cơ quan, đơn vị Thành phố lựa chọn hình thức sơ kết phù hợp, bảo đảm thiết thực, hiệu quả; có thể tổ chức hội nghị sơ kết gắn với hội nghị sơ kết công tác 6 tháng đầu năm 2026 hoặc xây dựng báo cáo sơ kết theo Đề cương thống nhất của Thành ủy. Nội dung đánh giá phải khách quan, thực chất, có số liệu minh chứng cụ

thể; phản ánh đúng tình hình vận hành tại địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Số liệu báo cáo được thống nhất tổng hợp đến ngày 30/5/2026, bảo đảm tính chính xác, kịp thời và thống nhất giữa các cơ quan, đơn vị. Báo cáo gửi về Ban Thường vụ Thành ủy (qua Ban Tổ chức Thành ủy) ***trước ngày 30/5/2026*** để tổng hợp.

2. Cấp Thành phố

Trên cơ sở báo cáo sơ kết của các địa phương, cơ quan, đơn vị, Ban Thường vụ Thành ủy tổ chức Hội nghị sơ kết 01 năm vận hành chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn Thành phố vào đầu tháng 6/2026 theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến, bảo đảm sự tham gia đồng bộ, thống nhất của các cơ quan trong hệ thống chính trị theo 04 trục (Đảng - HĐND - UBND - MTTQ).

Nội dung Hội nghị: (1) Đánh giá toàn diện kết quả đạt được sau 01 năm vận hành; làm rõ những chuyển biến tích cực, kết quả nổi bật, cách làm hay, sáng tạo và hiệu quả; (2) Phân tích những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, các điểm nghẽn trong tổ chức thực hiện và vận hành; xác định rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan; (3) Thảo luận các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nhằm tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy, cơ chế vận hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 02 cấp trong thời gian tới; (4) Biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc; các mô hình mới, cách làm sáng tạo, hiệu quả trong quá trình tổ chức triển khai và vận hành.

V. CÔNG TÁC KHEN THƯỞNG

1. Nguyên tắc

- Việc khen thưởng bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, đúng quy định; gắn chặt với kết quả thực hiện nhiệm vụ và hiệu quả thực chất trong vận hành mô hình.

- Khen thưởng phải căn cứ vào sản phẩm đầu ra, kết quả cụ thể, có số liệu, minh chứng, không thực hiện khen thưởng hình thức, dàn đều.

- Ưu tiên khen thưởng các tập thể, cá nhân có mô hình mới, cách làm sáng tạo, hiệu quả; chủ động tháo gỡ khó khăn, điểm nghẽn trong tổ chức thực hiện và vận hành; có kinh nghiệm hay, có khả năng lan tỏa, nhân rộng trong toàn hệ thống chính trị Thành phố.

- Việc xét khen thưởng phải gắn với kết quả đánh giá, sơ kết thực tiễn tại địa phương, cơ quan, đơn vị; bảo đảm đúng người, đúng việc, đúng thành tích.

2. Đối tượng và tiêu chí khen thưởng

2.1. Đối tượng

- Tập thể: Các xã, phường; các sở, ban, ngành; các cơ quan, đơn vị và các tổ chức trong hệ thống chính trị có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong tổ chức triển khai và vận hành mô hình.

- Cá nhân: Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có thành tích nổi bật trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

2.2. Tiêu chí khen thưởng

Việc xét khen thưởng căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ và hiệu quả thực

chất trong vận hành, trong đó tập trung đánh giá một số nội dung chủ yếu sau:

- Kết quả hoàn thành nhiệm vụ gắn với sản phẩm đầu ra cụ thể, có thể kiểm đếm, đánh giá được.

- Hiệu quả vận hành mô hình, bảo đảm thông suốt, rõ trách nhiệm, nâng cao chất lượng xử lý công việc và chất lượng phục vụ Nhân dân.

- Kết quả đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành theo hướng quản trị theo mục tiêu, kết quả.

- Kết quả cải cách hành chính, chuyển đổi số; nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Tinh thần chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, hiệu quả trong xử lý khó khăn, vướng mắc, các vấn đề tồn đọng phát sinh từ thực tiễn cơ sở.

- Thực hiện tốt công tác tư tưởng, dân vận; tạo được sự đồng thuận cao trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân; không để phát sinh điểm nóng, vụ việc phức tạp, đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc sắp xếp tổ chức bộ máy và vận hành mô hình.

- Có mô hình, cách làm hiệu quả, có giá trị thực tiễn và khả năng nhân rộng trong toàn Thành phố.

3. Hình thức và số lượng khen thưởng

- Căn cứ kết quả đạt được, Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, quyết định tặng Bằng khen đối với các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong tổ chức triển khai và vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn Thành phố. Số lượng khen thưởng dự kiến từ 25 đến 30 tập thể và từ 25 đến 30 cá nhân.

- Các cấp ủy trực thuộc căn cứ tình hình thực tiễn tổ chức biểu dương, khen thưởng phù hợp nhằm kịp thời động viên cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có thành tích, đóng góp tích cực trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

4. Hồ sơ và thời gian đề nghị khen thưởng

- Hồ sơ đề nghị khen thưởng gồm: Tờ trình đề nghị khen thưởng; báo cáo thành tích theo Mẫu số 03, Quy định số 08-QĐ/TU, ngày 08/12/2025 của Thành ủy về công tác thi đua, khen thưởng của Đảng bộ Thành phố (có số liệu, minh chứng cụ thể; tài liệu liên quan (nếu có).

- Các cơ quan, đơn vị gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng về Ban Tổ chức Thành ủy trước ngày 30/5/2026 để tổng hợp, thẩm định, trình Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, quyết định.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Ban Đảng, Văn phòng Thành ủy

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức đánh giá toàn diện kết quả triển khai trong lĩnh vực phụ trách; làm rõ những kết quả đạt được, khó khăn, vướng mắc, các vấn đề phát sinh trong quá trình vận hành chính quyền địa phương 02 cấp; đề xuất các giải pháp thực hiện trong thời gian tới và gửi Báo cáo về Ban Tổ chức Thành ủy trước ngày 30/5/2026 để tổng hợp.

1.1. Ban Tổ chức Thành ủy

- Là cơ quan Thường trực tham mưu, giúp Ban Thường vụ Thành ủy theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn triển khai thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn nội dung, yêu cầu báo cáo sơ kết đối với các địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Theo dõi, kiểm tra tiến độ thực hiện; tổng hợp kết quả sơ kết; đánh giá chất lượng báo cáo trên cơ sở mức độ bám sát Đề cương, tính đầy đủ, chính xác của số liệu, nội dung đánh giá và chất lượng đề xuất, kiến nghị.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu xây dựng dự thảo Báo cáo sơ kết của Ban Thường vụ Thành ủy, bảo đảm chất lượng, tiến độ và phản ánh đúng thực tiễn vận hành chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn Thành phố.

- Hướng dẫn, tổng hợp, thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng; đề xuất danh sách tập thể, cá nhân tiêu biểu trình Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, quyết định.

- Phối hợp với Văn phòng Thành ủy tham mưu công tác tổ chức Hội nghị sơ kết, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, chất lượng.

- Trên cơ sở kết quả sơ kết sau Hội nghị sơ kết 01 năm vận hành chính quyền địa phương 02 cấp, chủ trì tham mưu xây dựng cơ sở dữ liệu về đội ngũ cán bộ của Thành phố, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, đánh giá, quy hoạch, bố trí, sử dụng cán bộ trong toàn hệ thống chính trị Thành phố.

1.2. Văn phòng Thành ủy

Chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Thành ủy tham mưu công tác tổ chức Hội nghị sơ kết; xây dựng chương trình, kịch bản điều hành, trình chiếu phóng sự; tham mưu Giấy mời, thành phần tham dự, tài liệu Hội nghị và bài phát biểu kết luận của Thường trực Thành ủy; bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật và hạ tầng kết nối trực tuyến phục vụ Hội nghị.

1.3. Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy

- Chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Thành ủy và Văn phòng Thành ủy thẩm định, chịu trách nhiệm về nội dung phim phóng sự phục vụ Hội nghị sơ kết do cơ quan Báo, Phát thanh và Truyền hình Hà Nội xây dựng.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền kết quả sau 01 năm vận hành chính quyền địa phương 02 cấp; kịp thời thông tin, lan tỏa các mô hình hay, cách làm sáng tạo, hiệu quả; tạo sự thống nhất trong nhận thức, đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong quá trình tổ chức thực hiện.

1.4. Ủy ban Kiểm tra Thành ủy

Ủy ban Kiểm tra Thành ủy chủ trì tổng hợp kết quả kiểm tra, giám sát của Ban Thường vụ Thành ủy và UBKT Thành ủy; kết quả rà soát, xử lý các điểm nghẽn, khó khăn, vướng mắc và rà soát nhân sự được chỉ định tham gia cấp ủy, UBKT cấp ủy và nhân sự được bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý tại xã, phường sau sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính; gửi Ban Tổ chức Thành ủy trước ngày 30/5/2026 để tổng hợp.

2. Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố

- Chỉ đạo các tổ chức đảng trực thuộc tổ chức đánh giá toàn diện kết quả triển

khai các nhiệm vụ theo chức năng, lĩnh vực phụ trách, bảo đảm bám sát Đề cương và yêu cầu của Kế hoạch; làm rõ những kết quả đạt được, những vướng mắc, khó khăn và các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Tổng hợp, xây dựng Báo cáo của Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố theo Đề cương, hướng dẫn đảm bảo tiến độ, chất lượng và phản ánh đúng thực tiễn kết quả triển khai; gửi Báo cáo về Ban Tổ chức Thành ủy trước ngày 30/5/2026 để tổng hợp.

3. Đảng ủy UBND Thành phố

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành Thành phố tổ chức đánh giá toàn diện kết quả triển khai các nhiệm vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực phụ trách, bảo đảm bám sát Đề cương và yêu cầu của Kế hoạch; làm rõ kết quả đạt được, những khó khăn, vướng mắc và các vấn đề phát sinh trong quá trình vận hành; đề xuất các giải pháp thực hiện trong thời gian tới.

- Tập trung đánh giá các nội dung trọng tâm: phân cấp, phân quyền; cải cách hành chính, chuyển đổi số; tổ chức bộ máy, công tác cán bộ; cơ chế phối hợp, quy trình xử lý công việc; việc xử lý các tồn đọng, điểm nghẽn, khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình vận hành chính quyền địa phương 02 cấp.

- Đánh giá mức độ liên thông, phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn Thành phố với cấp xã trong giải quyết công việc, giải quyết thủ tục hành chính và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền; làm rõ tính thông suốt, kịp thời và hiệu quả trong tổ chức thực hiện.

- Tổng hợp, xây dựng Báo cáo của Đảng ủy UBND Thành phố theo Đề cương hướng dẫn, bảo đảm chất lượng, tiến độ và phản ánh đúng thực tiễn kết quả triển khai; gửi Báo cáo về Ban Tổ chức Thành ủy trước ngày 30/5/2026 để tổng hợp.

- Chỉ đạo xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành, dữ liệu địa phương, cơ sở dữ liệu dùng chung và cơ sở dữ liệu phục vụ quản trị, điều hành của Thành phố theo hướng "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, liên thông, dùng chung"; đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo và các phương thức quản trị mới phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành.

4. Đảng ủy HĐND Thành phố

- Tổ chức đánh giá toàn diện hoạt động của HĐND các cấp trong điều kiện vận hành chính quyền địa phương 02 cấp; làm rõ vai trò quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương; hiệu quả hoạt động giám sát, chất vấn, giải trình và việc theo dõi, đôn đốc thực hiện các kiến nghị sau giám sát.

- Đánh giá hiệu quả công tác phối hợp giữa HĐND với cấp ủy, UBND, Ủy ban MTTQ cùng cấp trong lãnh đạo, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ; mức độ đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

- Làm rõ những kết quả đạt được, thuận lợi, khó khăn, bất cập và các vấn đề phát sinh trong thực tiễn hoạt động; đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của HĐND các cấp trong thời gian tới.

- Xây dựng Báo cáo của Đảng ủy HĐND Thành phố, gửi Báo cáo về Ban Tổ chức Thành ủy trước ngày 30/5/2026 để tổng hợp.

5. Đảng ủy Ủy ban MTTQ Thành phố

- Chỉ đạo Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Thành phố và ban thường vụ các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng báo cáo sơ kết theo Đề cương; đánh giá vai trò trong công tác tuyên truyền, vận động, giám sát, phản biện xã hội và tạo sự đồng thuận trong quá trình vận hành chính quyền địa phương 02 cấp.

- Tổng hợp ý kiến, kiến nghị, phản ánh của Nhân dân, doanh nghiệp; đánh giá mức độ đồng thuận xã hội, sự hài lòng của người dân; làm rõ những khó khăn, vướng mắc, vấn đề phát sinh từ cơ sở trong quá trình vận hành mô hình.

- Xây dựng Báo cáo của Đảng ủy Ủy ban MTTQ Thành phố, gửi Báo cáo về Ban Tổ chức Thành ủy trước ngày 30/5/2026 để tổng hợp.

6. Các cấp ủy trực thuộc Thành ủy

- Chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc Kế hoạch; chủ động rà soát, đánh giá toàn diện kết quả vận hành chính quyền địa phương 02 cấp và tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; làm rõ kết quả đạt được, những hạn chế, khó khăn, vướng mắc và đề xuất các giải pháp phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Căn cứ Đề cương, xây dựng Báo cáo sơ kết bảo đảm đánh giá đầy đủ, khách quan, thực chất, có số liệu minh chứng cụ thể; số liệu báo cáo được thống nhất tổng hợp đến ngày 30/5/2026, bảo đảm tính chính xác, kịp thời và thống nhất giữa các cơ quan, đơn vị. Báo cáo gửi Ban Thường vụ Thành ủy (qua Ban Tổ chức Thành ủy) trước ngày 30/5/2026 để tổng hợp, xây dựng Báo cáo chung của Thành ủy.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các địa phương, cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Ban Tổ chức Thành ủy để tổng hợp, tham mưu Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- Các Ban Đảng, Văn phòng TW *(để báo cáo),*
- Đ/c Bí thư Thành ủy *(để báo cáo),*
- Các đ/c Thường trực Thành ủy,
- Các Ban Đảng, Văn phòng Thành ủy,
- Các cấp ủy trực thuộc Thành ủy,
- Lưu Văn phòng.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
THÀNH ỦY HÀ NỘI

Nguyễn Văn Phong

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Sơ kết 01 năm vận hành chính quyền địa phương 02 cấp và tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trên địa bàn Thành phố

(kèm theo Kế hoạch số 74 -KH/TU, ngày 20/5/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy)

A. YÊU CẦU CHUNG XÂY DỰNG BÁO CÁO

1. Báo cáo phải phản ánh trung thực, khách quan, đầy đủ tình hình triển khai sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trên địa bàn Thành phố từ tháng 3/2025 đến ngày 30/5/2026 và vận hành chính quyền địa phương 02 cấp từ ngày 01/7/2025 đến ngày 30/5/2026; số liệu chính xác, thống nhất, có đối chiếu, so sánh trước - sau, làm rõ những thay đổi về tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ và hiệu quả quản trị, điều hành.

2. Nội dung báo cáo phải bám sát các chỉ thị, nghị quyết, kết luận, quy định của Trung ương và Thành ủy, bảo đảm tính liên tục, hệ thống, thể hiện rõ diễn biến, quá trình sắp xếp, vận hành liên tục của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị từ Thành phố đến cấp xã theo từng giai đoạn; làm nổi bật việc chuyển đổi phương thức lãnh đạo, điều hành từ tư duy "quản lý hành chính" sang "quản trị, kiến tạo, phục vụ và phát triển" theo mục tiêu, kết quả; gắn với việc áp dụng nguyên tắc "6 rõ" (rõ việc, rõ người, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ sản phẩm) và tăng cường ứng dụng chuyển đổi số, dữ liệu trong theo dõi, điều hành. Mỗi nội dung cần được đánh giá theo hướng lấy kết quả làm thước đo, xác định rõ nội dung đã triển khai, sản phẩm đầu ra và hiệu quả thực chất; lượng hóa tối đa bằng chỉ tiêu, số liệu cụ thể, hạn chế đánh giá chung chung.

3. Ban Thường vụ các đảng ủy trực thuộc Thành ủy, sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị Thành phố chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, đầy đủ của số liệu và nội dung báo cáo; người đứng đầu trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm về chất lượng báo cáo. Nội dung cần bám sát thực tiễn, nhận diện đúng các điểm nghẽn (đặc biệt về con người, thể chế, phân cấp, dữ liệu) và đề xuất giải pháp cụ thể, khả thi, bảo đảm vận hành hiệu quả bộ máy chính trị từ Thành phố đến cơ sở.

B. NỘI DUNG BÁO CÁO

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

- Khái quát đặc điểm tình hình địa phương, cơ quan, đơn vị (tập trung vào phạm vi quản lý, quy mô, đặc điểm địa bàn, khối lượng công việc; điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, tổng số tổ chức đảng, đảng viên; cơ cấu tổ chức, bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và các yếu tố đặc thù khác).

- Làm rõ những thay đổi cơ bản trước và sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và vận hành mô hình, tập trung vào các nội dung chủ yếu: Tổ chức hành chính (số lượng đơn vị, quy mô quản lý); bộ máy (số đầu mối, mức độ tinh gọn); đội ngũ cán bộ (quy mô, cơ cấu, mức độ phù hợp việc làm); phương thức vận hành (từ quản lý hành chính sang quản trị, kiến tạo phát triển theo mục tiêu, kết quả). Làm rõ những thay đổi tích cực, bước đầu mang lại hiệu quả, những nội dung còn bất cập chưa đồng bộ.

- Nêu ngắn gọn mức độ thuận lợi (vị trí, điều kiện, hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội…); khó khăn (quy mô, địa bàn phức tạp, thiếu hụt nhân lực….) có tác động đến việc triển khai vận hành tổ chức bộ máy của cơ quan, đơn vị ở địa phương sau khi vận hành chính quyền địa phương 02 cấp.

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

1. Công tác thông tin, tuyên truyền, định hướng dư luận về việc vận hành chính quyền địa phương 02 cấp; công tác chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính

- Kết quả tổ chức quán triệt, phổ biến các chủ trương, nghị quyết, kết luận của Trung ương, Thành phố về sắp xếp tinh gọn bộ máy, vận hành bộ máy của hệ thống chính trị từ Thành phố đến cơ sở, trong đó làm rõ: Hình thức tổ chức (trực tiếp, trực tuyến, kết hợp…); phạm vi, đối tượng được quán triệt (cán bộ chủ chốt, toàn thể đảng viên); mức độ bao phủ và tính kịp thời; công tác thông tin, tuyên truyền, nắm tình hình, định hướng dư luận (trên hệ thống báo chí, trang thông tin điện tử và các nền tảng xã hội).

- Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, xử lý các vấn đề phát sinh trong giai đoạn chuyển đổi mô hình; mức độ thống nhất nhận thức trong hệ thống chính trị; sự ổn định tư tưởng cán bộ, công chức sau sắp xếp; mức độ đồng thuận của Nhân dân trong quá trình vận hành tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị từ Thành phố đến cơ sở.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hóa, thể chế hóa và tổ chức thực hiện

- Kết quả cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết, kết luận của Trung ương, Thành ủy thành nghị quyết, chương trình, kế hoạch, quy định, đề án; số lượng văn bản đã ban hành; tính kịp thời, đồng bộ, phù hợp với thực tiễn và hiệu quả triển khai thực hiện.

- Kết quả rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, quy chế làm việc, quy chế phối hợp và quy trình giải quyết công việc; việc cụ thể hóa nguyên tắc "6 rõ" trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

- Cơ chế phối hợp giữa HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ và các cơ quan chuyên môn; đánh giá hiệu quả phối hợp, xử lý công việc và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình vận hành.

3. Vai trò lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện vận hành chính quyền địa phương 02 cấp

- Đánh giá vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; mức độ chủ động, linh hoạt trong cụ thể hóa chủ trương, định hướng phát triển phù hợp với tình hình địa phương.

- Đánh giá sự chuyển biến trong phương thức lãnh đạo, điều hành theo hướng chuyển từ tư duy quản lý hành chính sang quản trị, kiến tạo phát triển; việc tháo gỡ khó khăn, điểm nghẽn, huy động nguồn lực, tạo động lực phát triển.

- Đánh giá kết quả phát triển kinh tế - xã hội; các mô hình, cách làm hiệu quả; khó khăn, vướng mắc và giải pháp trong thời gian tới.

4. Công tác kiểm tra, giám sát

Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc, hướng dẫn tổ chức thực hiện, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình sắp xếp, vận hành bộ máy của hệ thống chính trị từ Thành phố đến cơ sở.

III. KẾT QUẢ SAU 01 NĂM VẬN HÀNH

1. Về đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo điều hành

- Đánh giá việc chuyển đổi từ tư duy "quản lý hành chính" sang "quản trị, kiến tạo phát triển" theo mục tiêu, kết quả; mức độ thực hiện giao nhiệm vụ theo nguyên tắc "6 rõ"; việc thiết lập và theo dõi hệ thống mục tiêu, chỉ tiêu gắn với nhiệm vụ chính trị của địa phương; đánh giá chuyển biến trong tư duy lãnh đạo, điều hành.

- Việc đổi mới cơ chế điều hành, theo dõi, kiểm soát tiến độ thực hiện nhiệm vụ: Hình thức giao nhiệm vụ (trực tiếp, qua hệ thống số, giao việc tuần, tháng, quý…); cơ chế theo dõi, đôn đốc thực hiện; việc ứng dụng công nghệ số trong giao nhiệm vụ; khả năng kiểm soát tiến độ theo thời gian; tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi trên hệ thống số; hiệu quả việc xử lý các nhiệm vụ tồn đọng, kéo dài.

- Việc nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính và trách nhiệm thực thi công vụ: Tình trạng chậm trễ, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm (nếu có), số vụ việc điển hình; việc kiểm tra, đôn đốc và xử lý trách nhiệm cán bộ, công chức; mức độ cải thiện kỷ luật hành chính (giảm tỷ lệ hồ sơ trễ hạn, nâng cao tinh thần phục vụ Nhân dân, doanh nghiệp).

- Phát huy vai trò của người đứng đầu trong đổi mới phương thức lãnh đạo, điều hành: Mức độ chủ động, quyết liệt trong chỉ đạo; việc trực tiếp xử lý các nhiệm vụ khó, phức tạp, tồn đọng kéo dài; trách nhiệm "đi đến cùng kết quả"; vai trò nêu gương, dẫn dắt đổi mới tư duy quản trị; khả năng huy động, điều phối các lực lượng trong xử lý nhiệm vụ liên ngành, liên cấp.

2. Kết quả sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức của hệ thống chính trị

2.1. Về sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy

- Kết quả sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy: Số lượng các cơ quan, đơn vị, tổ chức trước khi sắp xếp, tại thời điểm sắp xếp năm 2025 và diễn biến sau sắp xếp cho đến nay. Đánh giá việc vận hành của các sở, ban, ngành Thành phố, Trung tâm phục vụ hành chính công. Trong đó, chú trọng đánh giá hiệu quả hoạt động, sự phù hợp của quy định chức năng, nhiệm vụ sau khi sắp xếp; những khó khăn, vướng mắc và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Tình hình sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của sở, ban, ngành và Thành phố, đặc biệt là việc điều chỉnh các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chức năng cung ứng dịch vụ công (như Ban Quản lý, các Trung tâm…..). Đánh giá mức độ tinh gọn, hợp lý, giảm đầu mối, giảm trung gian.

- Đánh giá công tác bàn giao, tiếp nhận và xử lý công việc chuyển tiếp: Khối lượng công việc bàn giao từ đơn vị hành chính cũ (tổng số hồ sơ, nhiệm vụ; số đã xử lý, số tồn đọng); tình hình tiếp nhận (hồ sơ hành chính, dữ liệu, tài liệu, nhiệm vụ đang thực hiện). Mức độ thông suốt khi chuyển tiếp; có/không phát sinh ách tắc, gián đoạn.

- Những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức bộ máy: Vướng mắc trong phân định chức năng, nhiệm vụ; bàn giao, tiếp nhận, thiếu hướng dẫn cụ thể; tồn tại do chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, khoảng trống quản lý, một số đầu mối chưa phát huy hiệu quả.

2.2. Về công tác cán bộ, công chức, viên chức

- Kết quả sắp xếp, bố trí, điều động, luân chuyển cán bộ khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp: Tổng số cán bộ, công chức, viên chức (đến 30/5/2026) so với trước sắp xếp tăng/giảm (%); biến động nhân sự (nghỉ hưu, nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc, điều động, luân chuyển, biệt phái…); tình hình bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và các khó khăn, bất cập phát sinh trong thực tiễn; tâm tư, nguyện vọng, sự ổn định tư tưởng của đội ngũ sau sắp xếp để có cơ sở đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp trong thời gian tới. *Đánh giá mức độ ổn định đội ngũ, tính kịp thời, phù hợp trong bố trí nhân sự.*

- Kết quả xây dựng và triển khai VTVL (đã phê duyệt, đang hoàn thiện); mức độ phù hợp giữa VTVL với trình độ, năng lực cán bộ, công chức, viên chức, những khó khăn vướng mắc và giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đội ngũ cán bộ trong quá trình vận hành tổ chức bộ máy; tình trạng thừa, thiếu biên chế theo từng vị trí, bố trí chưa đúng chuyên môn (nếu có). *Đánh giá mức độ phát huy hiệu quả của VTVL trong quản trị, sử dụng đội ngũ hay còn mang tính hình thức.*

- Công tác tuyển dụng và đào tạo, bồi dưỡng: Tình hình tuyển dụng bổ sung công chức, viên chức (thi tuyển, xét tuyển); tiếp nhận vào làm công chức, viên chức; ký hợp đồng lao động với người có chuyên môn, nghiệp vụ ở vị trí công chức cấp xã. Tình hình đào tạo, bồi dưỡng (tổng số lượt tham gia; tỷ lệ so với tổng số %); nội dung đào tạo quản lý nhà nước, kỹ năng điều hành, chuyển đổi số….. *Đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu vận hành mô hình mới, tính thiết thực gắn với công việc.*

- Đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức về mức độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và hiệu quả công tác sắp xếp, bố trí nhân sự (tỷ lệ hoàn thành tốt nhiệm vụ; khả năng xử lý công việc độc lập); tinh thần trách nhiệm, kỷ luật công vụ (tình trạng né tránh, đùn đẩy (nếu có); mức độ chủ động trong công việc); năng lực phối hợp và xử lý công việc (khả năng xử lý liên ngành, liên cấp; khả năng làm việc trong môi trường phân cấp, phân quyền); tư duy đổi mới và khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

- Đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ chuyên trách HĐND cấp xã; mức độ đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm và những khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động.

- Vai trò của người đứng đầu trong công tác cán bộ: Việc lãnh đạo, chỉ đạo sắp xếp, bố trí, sử dụng, kiểm tra, giám sát và xử lý kịp thời những hạn chế, yếu kém.

- Những khó khăn, vướng mắc về biên chế, tiêu chuẩn chức danh, cơ cấu ngạch và năng lực đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, tư duy quản trị hiện đại.

3. Việc thực hiện phân cấp, phân quyền, ủy quyền

3.1. Về phân cấp, phân quyền, ủy quyền

- Kết quả triển khai các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền, ủy quyền: Tổng số nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền từ cơ quan Trung ương cho Thành phố và từ Thành phố cho cấp xã (ghi rõ số lượng, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực nào); số lượng nhiệm vụ đã triển khai thực hiện, đang triển khai thực hiện và lĩnh vực thực hiện.

- Đánh giá tính phù hợp, khả thi và hiệu quả của các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền; mức độ đáp ứng về bộ máy, nhân lực, chuyên môn; quy trình, dữ liệu và điều kiện bảo đảm thực hiện. *Đánh giá những nhiệm vụ phát huy hiệu quả và những nhiệm vụ còn khó khăn, vướng mắc.*

- Kết quả thực hiện phân cấp, phân quyền đối với nâng cao tính chủ động của địa phương, giảm phụ thuộc cấp trên, nâng cao hiệu quả giải quyết công việc và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp. *Đánh giá phân cấp đã thực sự tạo chuyển biến hay mới dừng ở hình thức.*

- Những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện phân cấp, phân quyền, nhất là về thể chế, nguồn lực, nhân lực, dữ liệu, hướng dẫn chuyên môn và điều kiện bảo đảm thực hiện.

- Đề xuất nhiệm vụ cần tiếp tục phân cấp, phân quyền; kiến nghị các điều kiện bảo đảm thực hiện hiệu quả.

- Thống kê số lượng cán bộ, công chức, kinh phí điều chuyển giữa cấp Thành phố và cấp xã khi phân cấp, phân quyền và sắp xếp tổ chức bộ máy.

3.2. Về giải quyết thủ tục hành chính

- Thống kê số thủ tục hành chính trong công tác đảng, quản lý nhà nước, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tại Thành phố và cấp xã; so sánh với thời điểm ngày 30/6/2025. Làm rõ: (1) Số thủ tục mới được giao bổ sung trong giai đoạn 01/7/2025 - 30/5/2026; (2) Số thủ tục đã đơn giản hóa, dễ thực hiện; (3) Số thủ tục còn vướng mắc, khó khăn khi thực hiện; (4) Số dịch vụ công trực tuyến toàn trình; (5) Số dịch vụ công trực tuyến chưa toàn trình; (6) Số dịch vụ công chưa thực hiện số hóa.

- Tình hình tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính; tổng số hồ sơ tiếp nhận, số lượng hồ sơ trực tuyến; tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn, quá hạn; kết quả đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục hành chính và cung ứng dịch vụ công. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính.

- Việc triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, mức độ kết nối, liên thông cơ sở dữ liệu quốc gia, VneID và Cổng dịch vụ công quốc gia. Tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo các mức độ và kết quả đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục hành chính và cung ứng dịch vụ công.

4. Về bảo đảm nguồn lực tài chính hoạt động của hệ thống chính trị

- Đánh giá việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước cho các cơ quan, đơn vị từ Thành phố đến cấp xã sau sắp xếp; làm rõ mức độ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao, khả năng đáp ứng yêu cầu hoạt động và những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Tình hình thực hiện thu, chi ngân sách của Thành phố, cấp xã; mức chủ động trong quản lý, điều hành và hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính; việc bảo đảm cân đối ngân sách, chấp hành kỷ luật, kỷ cương tài chính.

5. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài sản công

- Việc xử lý, sử dụng cơ sở nhà đất, trang thiết bị, tài sản công: Số cơ sở nhà đất đã xử lý, chưa xử lý; việc chuyển đổi công năng sử dụng; tình hình quản lý, sử dụng trang thiết bị, xe công; hiệu quả khai thác, sử dụng tài sản sau sắp xếp, những mô hình chuyển đổi công năng hiệu quả và tình trạng lãng phí (nếu có).

- Các điều kiện bảo đảm vận hành chính quyền địa phương 02 cấp, gồm cơ sở vật chất, trụ sở làm việc, trang thiết bị, hạ tầng kỹ thuật; nguồn lực ngân sách đã bố trí và tình hình tổ chức thực hiện.

- Đánh giá công tác triển khai thực hiện, xử lý các tài sản nhà, đất dôi dư; công tác đảm bảo cơ sở vật chất, các chính sách hỗ trợ cho cán bộ công chức tại địa phương.

- Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện.

6. Số hóa tài liệu, lưu trữ

- Báo cáo kết quả công tác văn thư, lưu trữ và triển khai số hóa tài liệu, tổng khối lượng tài liệu, hồ sơ cần lưu trữ; số lượng đã chỉnh lý, lưu trữ, số hóa; tình trạng kho lưu trữ, nhân lực và phần mềm phục vụ công tác lưu trữ.

- Tình trạng số hóa nhưng chưa khai thác hiệu quả; tồn tại, hạn chế về dữ liệu, phần mềm và mức độ đồng bộ trong quản lý, khai thác, sử dụng.

- Việc sử dụng chữ ký số, văn bản điện tử, hồ sơ điện tử và hiệu quả ứng dụng trong xử lý công việc.

- Đánh giá hiệu quả thực tiễn triển khai công tác số hóa tài liệu, lưu trữ. Những khó khăn, vướng mắc trong bảo đảm nguồn lực thực hiện.

7. Về hạ tầng công nghệ, chuyển đổi số

- Tình hình đầu tư hạ tầng CNTT tại các cơ quan, đơn vị Thành phố và cấp xã (máy chủ, thiết bị đầu cuối, mạng, trung tâm dữ liệu...). Hạ tầng kết nối, liên thông giữa các cấp; mức độ liên thông dữ liệu, đồng bộ phần mềm, khai thác dữ liệu dùng chung và các điểm nghẽn kỹ thuật.

- Đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị, địa phương; mức độ đồng bộ, liên thông thông tin giữa các cấp; khả năng đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo, giải quyết thủ tục hành chính và cung ứng dịch vụ công; mức độ tiếp cận, sử dụng dịch vụ số của người dân, doanh nghiệp và kỹ năng số của cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cấp xã.

- Việc xây dựng, vận hành, khai thác dữ liệu quốc gia, dữ liệu chuyên ngành, dữ liệu dùng chung; hiệu quả ứng dụng các hệ thống thông tin phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và chuyên môn, nghiệp vụ.

- Đánh giá mức độ chuẩn hóa, cập nhật và khả năng hình thành cơ sở dữ liệu chuyên ngành, dữ liệu địa phương, cơ sở dữ liệu dùng chung và cơ sở dữ liệu phục

vụ quản trị, điều hành; khả năng kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo và hỗ trợ ra quyết định.

8. Về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị sau khi vận hành bộ máy của hệ thống chính trị từ Thành phố đến cơ sở *(lưu ý có so sánh với giai đoạn trước đó)*

- Tình hình tiếp công dân; số lượng đơn thư tiếp nhận, kết quả xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị.

- Tình hình các vụ việc tồn đọng, phát sinh trước 30/5/2026; kết quả giải quyết dứt điểm và các vụ việc đang giải quyết theo lộ trình.

- Việc ứng dụng CNTT trong tiếp nhận, theo dõi, xử lý và giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị.

- Đánh giá những chuyển biến, khó khăn, vướng mắc và tác động của việc vận hành mô hình mới đối với công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị.

9. Tác động đối với phát triển kinh tế- xã hội, quốc phòng, an ninh và đời sống Nhân dân

9.1. Tác động đối với phát triển kinh tế - xã hội

- Đánh giá tác động của việc vận hành chính quyền địa phương 02 cấp đối với phát triển kinh tế - xã hội; những chuyển biến về tăng trưởng kinh tế, thu ngân sách, giải ngân đầu tư công, cải thiện môi trường đầu tư, huy động nguồn lực và nâng cao hiệu quả quản trị địa phương.

- Làm rõ kết quả nâng cao hiệu quả giải quyết công việc, rút ngắn thời gian xử lý, giảm khâu trung gian, ứng dụng công nghệ số, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

- Đánh giá tác động của mô hình đối với việc tháo gỡ điểm nghẽn, giải phóng nguồn lực, mở rộng không gian phát triển và động lực phát triển mới cho địa phương.

- Đánh giá những kết quả nổi bật; làm rõ các yếu tố tạo chuyển biến tích cực đối với chất lượng quản trị địa phương và phát triển kinh tế - xã hội. Mức độ thuận lợi và mức độ hài lòng trong tiếp cận dịch vụ công, môi trường đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh.

9.2. Tác động đối với quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

- Đánh giá kết quả bảo đảm quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội sau khi vận hành chính quyền địa phương 02 cấp.

- Đánh giá khả năng nắm tình hình địa bàn, xử lý các vụ việc phát sinh từ cơ sở; hiệu quả giải quyết các vụ việc phức tạp, các vấn đề liên quan an ninh, trật tự.

- Làm rõ những khó khăn, nguy cơ phát sinh về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội trong quá trình vận hành.

9.3. Tác động đối với đời sống Nhân dân và đồng thuận xã hội

- Đánh giá tác động đối với đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; kết quả thực hiện an sinh xã hội, chăm lo đối tượng chính sách và giải quyết các vấn đề dân sinh.

- Đánh giá mức độ hài lòng, đồng thuận xã hội và niềm tin của Nhân dân đối với hệ thống chính trị sau sắp xếp.

- Làm rõ kết quả giải quyết kiến nghị, phản ánh của Nhân dân; các mô hình, cách làm hiệu quả góp phần củng cố mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, chính quyền và Nhân dân.

IV. VAI TRÒ VÀ HIỆU QUẢ PHỐI HỢP CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

1. Vai trò của các chủ thể trong vận hành mô hình

Đánh giá hiệu quả vận hành chính quyền địa phương 02 cấp theo 04 trục của hệ thống chính trị (Đảng - HĐND - UBND - MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội); làm rõ vai trò, trách nhiệm, cơ chế phối hợp và hiệu quả hoạt động của từng trục trong lãnh đạo, điều hành, giám sát và tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

1.1. Trục Đảng - Vai trò lãnh đạo của cấp ủy

- Đánh giá vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy trong triển khai và vận hành chính quyền địa phương 02 cấp; việc cụ thể hóa chủ trương, nghị quyết thành chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ phù hợp với thực tiễn.

- Đánh giá việc đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng chuyển từ quản lý hành chính sang quản trị hiện đại, kiến tạo phát triển; việc thực hiện nguyên tắc "6 rõ"; trách nhiệm người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo và xử lý các nhiệm vụ phát sinh từ cơ sở.

- Đánh giá vai trò của cấp ủy trong công tác tổ chức bộ máy, công tác cán bộ; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng sinh hoạt cấp ủy, chi bộ trong điều kiện vận hành mới.

- Làm rõ vai trò của cấp ủy trong giữ vững đoàn kết nội bộ, ổn định tư tưởng cán bộ, đảng viên và Nhân dân; công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

1.2. Trục HĐND - Vai trò của Hội đồng nhân dân trong quyết định và giám sát

- Đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động của HĐND và các Ban HĐND; chất lượng ban hành nghị quyết và việc tổ chức thực hiện các nghị quyết đã ban hành.

- Đánh giá hiệu quả hoạt động giám sát, khảo sát, chất vấn, giải trình; việc phát hiện, kiến nghị xử lý khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn.

- Đánh giá vai trò của HĐND trong quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương; việc phát huy vai trò đại diện ý chí, nguyện vọng của Nhân dân trong điều kiện vận hành mô hình mới.

- Đánh giá hiệu quả phối hợp giữa HĐND với cấp ủy, UBND, MTTQ và các cơ quan liên quan trong thực hiện nhiệm vụ.

1.3. Trục UBND - Vai trò của Ủy ban nhân dân trong tổ chức thực hiện và điều hành

- Đánh giá vai trò của UBND trong tổ chức thực hiện, điều hành phát triển kinh tế - xã hội, cải cách hành chính, chuyển đổi số, giải quyết thủ tục hành chính và cung ứng dịch vụ công sau khi vận hành chính quyền địa phương 02 cấp. Mức độ chủ động, linh hoạt trong xử lý công việc và giải quyết các vấn đề phát sinh từ cơ sở.

- Đánh giá việc đổi mới phương thức quản trị, điều hành, chuyển từ "quản lý hành chính" sang "quản trị, kiến tạo phát triển" theo mục tiêu, kết quả; việc giao nhiệm vụ, theo dõi, kiểm soát tiến độ thực hiện; mức độ ứng dụng công nghệ số và dữ liệu trong điều hành.

- Đánh giá hiệu quả thực hiện phân cấp, phân quyền, ủy quyền; khả năng phối hợp, xử lý công việc liên ngành, liên cấp; mức độ chủ động, linh hoạt của chính quyền cấp xã trong giải quyết công việc cho người dân và doanh nghiệp.

- Đánh giá kỷ luật, kỷ cương hành chính; trách nhiệm thực thi công vụ và vai trò người đứng đầu trong xử lý các nhiệm vụ phát sinh tại cơ sở.

1.4. Trục MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội – Vai trò đồng hành, giám sát và tạo đồng thuận xã hội

- Đánh giá hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận xã hội trong triển khai và vận hành chính quyền địa phương 02 cấp.

- Đánh giá hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội; việc nắm tình hình Nhân dân, tổng hợp, phản ánh ý kiến, kiến nghị của đoàn viên, hội viên và Nhân dân.

- Đánh giá vai trò của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác dân vận, phối hợp với chính quyền giải quyết các vấn đề phát sinh từ cơ sở và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân.

- Làm rõ mức độ tham gia thực chất của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội trong quản trị địa phương; những mô hình hay, cách làm hiệu quả góp phần tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, chính quyền và Nhân dân.

2. Hiệu quả phối hợp giữa 04 trục

- Đánh giá cơ chế phối hợp giữa cấp ủy, HĐND, UBND, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội trong triển khai, vận hành chính quyền địa phương 02 cấp; mức độ rõ trách nhiệm, rõ đầu mối, rõ quy trình phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ.

- Đánh giá mức độ đồng bộ, thống nhất giữa các trục trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, giám sát và tổ chức thực hiện nhiệm vụ; khả năng phối hợp, xử lý các nhiệm vụ liên ngành, liên cấp và các vấn đề phát sinh từ cơ sở.

- Đánh giá hiệu quả phối hợp trong công tác tham mưu, trao đổi thông tin, chia sẻ dữ liệu, giải quyết công việc; mức độ thông suốt trong xử lý công việc giữa các cơ quan, đơn vị.

- Làm rõ những kết quả nổi bật, mô hình phối hợp hiệu quả; những hạn chế, bất cập trong cơ chế phối hợp; các điểm nghẽn, chồng chéo hoặc khoảng trống trách nhiệm (nếu có) và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả phối hợp trong thời gian tới.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm, nguyên nhân (khách quan, chủ quan)

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, các đảng ủy trực thuộc Thành ủy, sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị Thành phố đánh giá toàn diện, khách quan, đúng tình hình, làm rõ thuận lợi, ưu điểm: (1) Trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, thông tin, tuyên truyền, tổ chức thực hiện các nghị quyết, kết luận của Trung ương và Thành ủy; (2) Kết quả thực hiện các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã

được Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy đề ra; (3) Hiệu quả hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước, MTTQ và các tổ chức chính trị xã hội, hội quần chúng được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ.

- Đánh giá những lợi ích, hiệu quả của việc vận hành chính quyền địa phương 02 cấp đối với công tác quản trị, điều hành; hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; mức độ thông suốt, kịp thời trong giải quyết công việc; mức độ chuyển đổi số tại địa phương, việc giảm thời gian giải quyết công việc, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp. Tác động đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, trật tự xã hội và đời sống Nhân dân. Đánh giá rõ kết quả, hiệu lực, hiệu quả hoặc sản phẩm cụ thể đạt được trong quá trình thực hiện.

- Làm rõ nguyên nhân của những kết quả đạt được (khách quan, chủ quan)

2. Tồn tại hạn chế, khó khăn, vướng mắc (khách quan, chủ quan)

- Đánh giá những hạn chế, khó khăn, vướng mắc: (1) Trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, thông tin, tuyên truyền và tổ chức thực hiện các nghị quyết, kế hoạch, kết luận của Trung ương và Thành ủy; (2) Việc thực hiện các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã được Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy đề ra; (3) Hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước, MTTQ và các tổ chức chính trị xã hội, hội quần chúng được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ sau khi sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy.

- Nêu rõ những hạn chế, tồn tại chủ yếu, nhất là các khâu yếu, việc khó, địa bàn còn nhiều vướng mắc; những vấn đề phát sinh trong quá trình vận hành chưa được xử lý triệt để (tập trung vào các khó khăn về nhận thức, thể chế, chính sách, đội ngũ cán bộ, nguồn lực, tổ chức và hoạt động của HĐND cấp xã, phân cấp, phân quyền, ủy quyền trong một số lĩnh vực...).

- Phân tích, làm rõ nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại; trong đó tập trung nguyên nhân chủ quan gắn với trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị và người đứng đầu; nguyên nhân khách quan từ cơ chế, chính sách và điều kiện thực tiễn; đồng thời xác định các điểm nghẽn trong vận hành mô hình về tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, phân cấp, phân quyền, cải cách hành chính, chuyển đổi số, hạ tầng dữ liệu và cơ chế phối hợp.

3. Bài học, kinh nghiệm

- Làm rõ các bài học kinh nghiệm trong quá trình vận hành chính quyền địa phương 02 cấp, tập trung vào: (1) Vai trò lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của cấp ủy, chính quyền; (2) Công tác bố trí, sử dụng cán bộ; (3) Quản lý, khai thác, sử dụng tài sản công; (4) Ứng dụng công nghệ thông tin, dữ liệu trong quản trị tại địa phương; (5) Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị.

- Các bài học kinh nghiệm khác do cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động đề xuất, rút kinh nghiệm từ thực tiễn triển khai.

4. Mô hình hay, cách làm sáng tạo

Lựa chọn, giới thiệu các mô hình, sáng kiến, cách làm hiệu quả có khả năng nhân rộng trong các lĩnh vực như: Đổi mới phương thức điều hành; nâng cao chất

lượng đội ngũ cán bộ; phân cấp, phân quyền; chuyển đổi số trong điều hành; cải cách hành chính và phối hợp liên ngành.

VI. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP GIAI ĐOẠN 2026-2030

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm tình hình và thực tiễn vận hành chính quyền địa phương 02 cấp và tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, các đảng ủy trực thuộc Thành ủy, sở, ban, ngành, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, các xã, phường chủ động rà soát, xác định các nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá và đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả vận hành chính quyền địa phương 02 cấp và tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong giai đoạn 2026-2030.

Các nhiệm vụ, giải pháp đề xuất cần bám sát yêu cầu thực tiễn, lấy hiệu quả vận hành, chất lượng phục vụ Nhân dân và năng lực quản trị địa phương làm trung tâm; bảo đảm rõ mục tiêu, rõ trách nhiệm, rõ lộ trình, rõ sản phẩm và phù hợp với đặc điểm từng cơ quan, đơn vị, địa phương; tránh đề xuất chung chung, hình thức hoặc vượt quá thẩm quyền, nguồn lực thực hiện.

Nội dung giải pháp tập trung vào các yêu cầu sau:

1. Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy, cơ chế vận hành và phương thức phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

2. Tiếp tục rà soát, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 02 cấp; rà soát, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, cơ chế vận hành; tiếp tục sắp xếp tinh gọn tổ chức bên trong, giảm đầu mối, giảm cấp trung gian, giảm số lượng lãnh đạo phù hợp; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền, cải cách hành chính, tinh giản quy trình công việc, bảo đảm hệ thống chính trị hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân.

3. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành theo hướng chuyển từ tư duy quản lý hành chính sang quản trị hiện đại, kiến tạo phát triển theo mục tiêu, kết quả; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, thực hiện nguyên tắc "6 rõ", lấy kết quả thực chất và hiệu quả quản trị làm thước đo.

4. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu chính quyền địa phương 02 cấp; đổi mới công tác quản lý cán bộ theo hướng lấy chất lượng, hiệu quả thực chất làm trung tâm; xây dựng đội ngũ cán bộ có tư duy đổi mới, năng lực quản trị tiên tiến, năng lực số, khả năng thích ứng, xử lý công việc liên ngành, liên cấp và giải quyết các vấn đề phát sinh từ cơ sở, đáp ứng yêu cầu kiến tạo phát triển và phục vụ Nhân dân, doanh nghiệp tốt hơn.

5. Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cải cách hành chính, chuyển đổi số và khai thác hiệu quả dữ liệu phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành. Tiếp tục nghiên cứu, rà soát việc sắp xếp tổ chức bộ máy cấp xã theo hướng mở rộng

không gian phát triển, tạo dư địa phát triển phù hợp với yêu cầu thực tiễn và định hướng phát triển trong giai đoạn mới (nếu cần thiết).

6. Xác định nhiệm vụ xây dựng, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, dữ liệu địa phương, cơ sở dữ liệu dùng chung và cơ sở dữ liệu phục vụ quản trị, điều hành của Thành phố theo hướng "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, liên thông, dùng chung"; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo, phương thức quản trị mới trong hoạt động của hệ thống chính trị, phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, nâng cao năng suất lao động và hỗ trợ ra quyết định.

7. Tiếp tục sắp xếp, đổi mới hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tăng cường xã hội hóa các lĩnh vực mà khu vực ngoài nhà nước có khả năng thực hiện hiệu quả, nhất là giáo dục, y tế; nghiên cứu chuyển giao phù hợp một số nhiệm vụ, dịch vụ công mà Nhà nước không nhất thiết trực tiếp thực hiện.

8. Nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐND, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tạo đồng thuận trong Nhân dân.

9. Tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế, nguồn lực, dữ liệu, hạ tầng, nhân lực và cơ chế phối hợp; giải phóng nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển và tăng trưởng 2 con số trong giai đoạn mới.

10. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết; kịp thời phát hiện, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; xây dựng, nhân rộng các mô hình hay, cách làm sáng tạo, hiệu quả.

Khuyến khích các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động đề xuất mô hình mới, giải pháp sáng tạo, cách làm hiệu quả trong tổ chức vận hành chính quyền địa phương 02 cấp, nhất là trong các lĩnh vực quản trị địa phương, chuyển đổi số, cải cách hành chính, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, tăng cường phối hợp liên thông và phục vụ Nhân dân; lựa chọn các mô hình hiệu quả để tổng kết, nhân rộng trong toàn Thành phố.

VII. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với Trung ương

- Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư
- Đảng ủy Quốc hội
- Đảng ủy Chính phủ
- Đảng ủy MTTQ, các đoàn thể Trung ương
- Các Ban Đảng Trung ương

2. Đối với Thành phố

- Thành ủy, Ban Thường vụ, Thường trực Thành ủy
- HĐND Thành phố
- UBND Thành phố
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội
- Các Ban Đảng, Văn phòng Thành ủy, sở, ban, ngành Thành phố.

PHỤ LỤC 1:

KẾT QUẢ CÔNG TÁC QUÁN TRIỆT, TUYÊN TRUYỀN VÀ KIỂM TRA, GIÁM SÁT

TT	Nội dung	Tổng số lượng	Trong đó chia theo cấp tham gia tập huấn, quán triệt/đối tượng được kiểm tra giám sát		
			Cấp Thành phố	Cấp xã	Cả cấp Thành phố và cấp xã
I	**Công tác quán triệt, tuyên truyền**				
1	Hội nghị quán triệt				
2	Lớp tập huấn				
3	Hình thức khác				
II	**Công tác kiểm tra, giám sát**				
1	Số cuộc kiểm tra				
2	Số cuộc giám sát				

(1) Tính theo số lượng hội nghị, lớp tập huấn và chia ra theo các đối tượng tham gia.

(2) Tính theo số cuộc KTGS và chia ra theo đối tượng được KTGS của từng cuộc.

PHỤ LỤC 2:

THỐNG KÊ CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN VẬN HÀNH HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ, CHÍNH QUYỀN 2 CẤP

STT	Tên loại văn bản	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
I	**Cấp Thành phố**				
1	**Thành ủy, BTV Thành ủy**				
…					
2	**Hội đồng nhân dân**				
…	….				
3	**Uỷ ban nhân dân**				
…					
4	**Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể**				
…					
II	**Cấp xã, đảng bộ trực thuộc**				
1	**Cấp uỷ Đảng**				
…					
2	**Hội đồng nhân dân**				
…					
3	**Uỷ ban nhân dân**				
…					
4	**Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể**				
…					

Ghi chú: Văn phòng Thành ủy thống kê các văn bản của Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy

PHỤ LỤC 3:

TỔ CHỨC BỘ MÁY, CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ KHỐI ĐẢNG, MẶT TRẬN TỔ QUỐC, CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

STT	Tên đơn vị	Tổng số phòng và tương đương trực thuộc			Số lượng cán bộ, lãnh đạo, quản lý, công chức chuyên môn có mặt									Ghi chú
					Lãnh đạo, quản lý			Lãnh đạo cấp phòng và tương đương			Cán bộ, công chức (không giữ chức vụ lãnh đạo)			
		Tại thời điểm hoàn thành sắp xếp 01/7/2025	Tại thời điểm 30/5/2026	Dự kiến phương án sắp xếp theo định hướng	Tại thời điểm hoàn thành sắp xếp 01/7/2025	Tại thời điểm 30/5/2026	Dự kiến sau sắp xếp theo định hướng	Tại thời điểm hoàn thành sắp xếp 01/7/2025	Tại thời điểm 30/5/2026	Dự kiến sau sắp xếp theo định hướng	Tại thời điểm hoàn thành sắp xếp 01/7/2025	Tại thời điểm 30/5/2026	Dự kiến sau sắp xếp theo định hướng	
A	**CẤP THÀNH PHỐ**													
	TỔNG CỘNG (I+II)													
I	**Khối đảng (1+2+..)**													
1	Ban Tổ chức													
2	Ban Tuyên giáo và Dân vận													
3	Ban Nội chính													
4	Cơ quan UBKT													
5	Văn phòng Thành ủy													
6	ĐU các cơ quan Đảng													
7	ĐU UBND Thành phố													
II	**Khối MTTQ và các đoàn thể (1+2+….)**													
-	**Chủ tịch MTTQ**													
-	**Phó Chủ tịch MTTQ**													
1	Mặt trận Tổ quốc TP													
2	Liên đoàn lao động													

3	Hội Nông dân													
4	Hội Liên hiệp Phụ nữ													
5	Hội Cựu chiến binh													
6	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh													
B	**CẤP XÃ, PHƯỜNG**													
	TỔNG CỘNG (I+II)													
I	**Khối đảng (1+2+..+)**													
1	Ban Xây dựng Đảng													
2	Cơ quan UBKT													
3	Văn phòng Đảng ủy													
4	…													
5	…													
II	**Khối MTTQ và các đoàn thể (1+2+…)**													
-	**Chủ tịch MTTQ**													
-	**Phó Chủ tịch MTTQ**													
1	Mặt trận Tổ quốc													
2	Liên đoàn lao động													
3	Hội Nông dân													
4	Hội Liên hiệp Phụ nữ													
5	Hội Cựu chiến binh													
6	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh													

PHỤ LỤC 4:
TỔ CHỨC BỘ MÁY, CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

STT	Cơ quan, tổ chức	Cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan, tổ chức hành chính thuộc UBND, HĐND Thành phố									Số lượng lãnh đạo, quản lý và công chức chuyên môn												
		Số phòng thuộc Sở và tương đương			Chi cục và tương đương			Số phòng thuộc Chi cục và tương đương			Lãnh đạo, quản lý cấp sở và tương đương			Lãnh đạo phòng thuộc sở và tương đương			Lãnh đạo chi cục và tương đương			Công chức, viên chức chuyên môn (không giữ chức vụ lãnh đạo)		
		Tại thời điểm hoàn thành sắp xếp 01/7/2025	Tại thời điểm 30/5/2026	Dự kiến phương án sắp xếp theo định hướng	Tại thời điểm hoàn thành sắp xếp 01/7/2025	Tại thời điểm 30/5/2026	Dự kiến phương án sắp xếp theo định hướng	Tại thời điểm hoàn thành sắp xếp 01/7/2025	Tại thời điểm 30/5/2026	Dự kiến phương án sắp xếp theo định hướng	Tại thời điểm hoàn thành sắp xếp 01/7/2025	Tại thời điểm 30/5/2026	Dự kiến phương án sắp xếp theo định hướng	Tại thời điểm hoàn thành sắp xếp 01/7/2025	Tại thời điểm 30/5/2026	Dự kiến phương án sắp xếp theo định hướng	Tại thời điểm hoàn thành sắp xếp 01/7/2025	Tại thời điểm 30/5/2026	Dự kiến phương án sắp xếp theo định hướng	Tại thời điểm hoàn thành sắp xếp 01/7/2025	Tại thời điểm 30/5/2026	Dự kiến phương án sắp xếp theo định hướng
	TỔNG CỘNG																						
A	**CẤP THÀNH PHỐ**																						
I	**Cơ quan chuyên môn thuộc UBND TP**																						
1	Sở Dân tộc và Tôn giáo																						
2	Sở Xây dựng																						
3	Sở Tài chính																						
4	Sở Khoa học và Công nghệ																						
5	Sở Nội vụ																						
6	Sở Nông nghiệp và Môi trường																						
7	Sở Văn hóa, thể thao và du lịch																						
8	Sở Giáo dục và ĐT																						

9	Sở Quy hoạch - Kiến trúc																					
10	Sở Công thương																					
11	Sở Tư pháp																					
12	Sở Y tế																					
13	Thanh tra																					
14	Văn phòng UBND Thành phố																					
15	Ban Quản lý khu công nghệ cao…																					
..	…																					
II	**Cơ quan của HĐND Thành phố**																					
1	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND TP																					
2	Ban Văn hoá - xã hội																					
3	Ban Pháp chế																					
4	Ban Kinh tế - Ngân sách																					
…	…																					
B	**CẤP XÃ**																					
I	**Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp xã**																					
1																						
2																						
3																						
4																						
..	…																					
II	**Cơ quan của HĐND**																					
1																						
2																						
..	…																					

PHỤ LỤC 5:

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG, VIỆC BỐ TRÍ, SỬ DỤNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP THÀNH PHỐ

TT	Vị trí việc làm	Tổng số biên chế được giao/tạm giao	Tổng số hiện có mặt	Trình độ chuyên môn, đào tạo					Trình độ lý luận chính trị		Trước khi đảm nhiệm vị trí công tác hiện nay				Ghi chú
				Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Cao cấp	Trung cấp	Cán bộ Trung ương	Cán bộ, công chức cấp Thành phố	Cán bộ, công chức cấp huyện	Cán bộ, công chức cấp xã	
I	**Khối Đảng**														
1	Bí thư Thành ủy														
2	Phó Bí thư Thành ủy														
3	Trưởng ban, Chủ nhiệm UBKT, CVP														
4	Phó Trưởng ban, Phó chủ nhiệm UBKT, CVP														
5	Uỷ viên uỷ ban kiểm tra chuyên trách														
6	Trưởng phòng và tương đương														
7	Phó Phòng và tương đương														
8	Công chức chuyên môn (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý)														
II	**Khối MTTQ, các đoàn thể**														
1	Chủ tịch MTTQ														
2	Phó Chủ tịch MTTQ/Phó Chủ tịch MTTQ kiêm trưởng các tổ chức đoàn thể														
3	Trưởng phòng và tương đương														
4	Phó Phòng và tương đương														
5	Công chức chuyên môn (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý)														
III	**Khối chính quyền**														
1	Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân														
2	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân														

3	Giám đốc sở, ngành tương đương cấp Thành phố														
4	Phó Giám đốc sở, ngành tương đương cấp Thành phố														
5	Trưởng phòng và tương đương														
6	Phó Trưởng phòng và tương đương														
7	Công chức chuyên môn (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý)														
	TỔNG SỐ														.....

PHỤ LỤC 6:

BÁO CÁO THỐNG KÊ VIỆC BỐ TRÍ, SỬ DỤNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ
(số liệu tính đến ngày 30/5/2026)

TT	Vị trí việc làm	Tổng số biên chế được giao/tạm giao	Tổng số hiện có mặt	Trình độ chuyên môn, đào tạo					Trình độ lý luận chính trị		Trước khi đảm nhiệm vị trí công tác hiện nay					Ghi chú
				Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Cao cấp	Trung cấp	Cán bộ, công chức cấp Thành phố	Cán bộ, công chức cấp huyện	Cán bộ, công chức cấp xã	Viên chức	Người hoạt động không chuyên trách	
A	**Khối Đảng**															
1	Bí thư đảng uỷ xã, phường															
2	Phó Bí thư đảng uỷ xã, phường															
3	Trưởng ban, Chủ nhiệm UBKT, CVP															
4	Phó Trưởng ban, Phó chủ nhiệm UBKT, PCVP															
5	Uỷ viên uỷ ban kiểm tra chuyên trách															
6	Công chức chuyên môn (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý)															
B	**Khối MTTQ, các đoàn thể**															
1	Chủ tịch MTTQ															
2	Phó Chủ tịch MTTQ/Phó Chủ tịch MTTQ kiêm trưởng các tổ chức đoàn thể															
3	Phó các tổ chức đoàn thể															
4	Công chức chuyên môn (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý)															

C	**Khối chính quyền**																
I	**LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ**																
1	Chủ tịch Ủy ban nhân dân																
2	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân																
5	Trưởng phòng và tương đương																
6	Phó Trưởng phòng và tương đương																
II	**CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ (Công chức chuyên môn không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo từng lĩnh vực)**																
1	Lĩnh vực Văn phòng																
2	Lĩnh vực Tư pháp																
3	Lĩnh vực Đối ngoại																
4	Lĩnh vực Tài chính - Kế hoạch																
5	Lĩnh vực Xây dựng																
6	Lĩnh vực Công Thương																
7	Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường																
8	Lĩnh vực Nội vụ																
9	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo																
10	Lĩnh vực Văn hóa, Khoa học và Thông tin, chuyển đổi số																
11	Lĩnh vực Y tế																
12	Trung tâm Phục vụ hành chính công																
13	Lĩnh vực, vị trí khác																
	TỔNG SỐ																.....

Lưu ý: Số liệu báo cáo cập nhật đến ngày 30/5/2026. Đối tượng tổng hợp bao gồm các CBCC trong các cơ quan thuộc Đảng uỷ, MTTQ, các đoàn thể, HĐND, UBND cấp xã.

PHỤ LỤC 7:

BÁO CÁO THỐNG KÊ VIỆC BỐ TRÍ, SỬ DỤNG VIÊN CHỨC CẤP TỈNH, CẤP XÃ

(số liệu tính đến ngày 30/5/2026)

TT	Vị trí việc làm	Tổng số lượng đơn vị sự nghiệp	Trong đó số lượng ĐVSN chi theo mức độ tự chủ				Tổng số lượng người làm việc mặt		Trình độ chuyên môn, đào tạo					Trình độ lý luận chính trị	
			ĐV tự bảo đảm chi TX và chi ĐT	ĐV tự bảo đảm chi TX	ĐV tự bảo đảm một phần chi TX	ĐV do Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi TX	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Cao cấp	Trung cấp
A	**Khối Đảng**														
I	**Đơn vị thuộc Thành ủy**														
1	Cấp trưởng đơn vị														
2	Cấp phó đơn vị														
3	Cấp trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị														
4	Cấp phó phòng và tương đương thuộc đơn vị														
5	Trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị trực thuộc														
6	Phó Phòng và tương đương thuộc đơn vị trực thuộc														
7	Viên chức chuyên môn (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý)														
II	**Đơn vị thuộc các ban, Văn phòng Thành ủy**														
1	Cấp trưởng đơn vị														
2	Cấp phó đơn vị														
3	Cấp trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị														

4	Cấp phó phòng và tương đương thuộc đơn vị														
5	Trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị trực thuộc														
6	Phó Phòng và tương đương thuộc đơn vị trực thuộc														
7	Viên chức chuyên môn (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý)														
III	**Đơn vị thuộc Đảng uỷ cấp xã**														
1	Cấp trưởng đơn vị														
2	Cấp phó đơn vị														
3	Cấp trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị														
4	Cấp phó phòng và tương đương thuộc đơn vị														
5	Trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị trực thuộc														
6	Phó Phòng và tương đương thuộc đơn vị trực thuộc														
7	Viên chức chuyên môn (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý)														
B	**Khối MTTQ, các đoàn thể**														
I	**Đơn vị thuộc MTTQ Thành phố**														
1	Cấp trưởng đơn vị														
2	Cấp phó đơn vị														
3	Cấp trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị														
4	Cấp phó phòng và tương đương thuộc đơn vị														
5	Trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị trực thuộc														
6	Phó Phòng và tương đương thuộc đơn vị trực thuộc														
7	Viên chức chuyên môn (không giữ chức														

II	**MTTQ cấp xã**														
1	Cấp trưởng đơn vị														
2	Cấp phó đơn vị														
3	CBCC chuyên môn (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý)														
C	**Khối chính quyền**														
I	**Đơn vị thuộc UBND thành phố**														
1	Cấp trưởng đơn vị														
2	Cấp phó đơn vị														
3	Cấp trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị														
4	Cấp phó phòng và tương đương thuộc đơn vị														
5	Trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị trực thuộc														
6	Phó Phòng và tương đương thuộc đơn vị trực thuộc														
7	Viên chức chuyên môn (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý)														
II	**Đơn vị thuộc các sở, ngành**														
1	Cấp trưởng đơn vị														
2	Cấp phó đơn vị														
3	Cấp trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị														
4	Cấp phó phòng và tương đương thuộc đơn vị														
5	Trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị trực thuộc														
6	Phó Phòng và tương đương thuộc đơn vị trực thuộc														
7	Viên chức chuyên môn (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý)														
III	**Đơn vị thuộc UBND cấp xã**														
1	Cấp trưởng đơn vị														

2	Cấp phó đơn vị														
3	Cấp trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị														
4	Cấp phó phòng và tương đương thuộc đơn vị														
5	Công chức, viên chức chuyên môn (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý)														
	TỔNG SỐ														

PHỤ LỤC 8:

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(số liệu tính đến ngày 30/5/2026)

TT	Đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực	Vị trí pháp lý (thuộc UBND Thành phố, sở, chi cục thuộc sở, tổ chức hành chính khác thuộc UBND Thành phố, UBND cấp xã...)	Số lượng cơ cấu tổ chức bên trong của ĐVSNCL, doanh nghiệp	Dự kiến phương án sắp xếp theo định hướng		TT	Kết quả sau khi thực hiện phương án sắp xếp ĐVSNCL, doanh nghiệp theo dự kiến						
				Cơ cấu lại (hợp nhất, sáp nhập) hoặc giải thể do hoạt động không hiệu quả (ghi cụ thể)	Sắp xếp ĐVSNCL, doanh nghiệp theo định hướng của BCĐ (ghi cụ thể)		Đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực	Vị trí pháp lý	Số lượng cơ cấu tổ chức bên trong của ĐVSNCL, doanh nghiệp sau sắp xếp, tinh gọn	Mức độ tự chủ (áp dụng với ĐVSNCL)			
										ĐV tự bảo đảm chi TX và chi ĐT	ĐV tự bảo đảm chi TX	ĐV tự bảo đảm một phần chi TX	ĐV do Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi TX
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG						TỔNG						
I	Khối đảng					I	Khối đảng						
..	..					..	..						
II	Khối MTTQ, các đoàn thể					II	Khối MTTQ, các đoàn thể						
1	*Các đơn vị sự nghiệp*					*1*	*Các đơn vị sự nghiệp*						
2	*Các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ*					*2*	*Các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ*						
III	Khối Chính quyền					III	Khối Chính quyền						
1	Lĩnh vực giáo dục					1	Lĩnh vực giáo dục						
1,1	Đại học					1,1	Đại học						

	...						...						
1,2	Cao đẳng					1,2	Cao đẳng						
	...						...						
1,3	Trung cấp nghề					1,3	Trung cấp nghề						
	...						...						
1,4	Trung tâm GDNN					1,4	Trung học nghề						
	...						...						
1,5	Trung tâm GDTX						..						
	...						..						
1,6	Trung học phổ thông					1,5	Trung học phổ thông						
	...						...						
1,7	Trung học cơ sở					1,6	Trung học cơ sở						
	...						...						
1,8	Tiểu học					1,7	Tiểu học						
	...						...						
1,9	Mầm non					1,8	Mầm non						
	...						...						

1,10	Trường liên cấp					1,9	Trường liên cấp						
	...						...						
	...						...						
1,11	ĐVSNCL khác					1,10	ĐVSNCL khác						
	...						...						
2	**Lĩnh vực Y tế**					**2**	**Lĩnh vực Y tế**						
2,1	Bệnh viện cấp Thành phố					2,1	Bệnh viện						
							...						
	Bệnh viện đa khoa (cấp huyện trước đây)						...						
	...						...						
2,2	Trung tâm y tế					2,2	Trung tâm y tế						
	...						...						
2,3	Trạm y tế cấp xã					2,3	Trạm y tế cấp xã						
	...												
3	**Lĩnh vực Xây dựng**					**3**	**Lĩnh vực Xây dựng**						
	Ban quản lý dự án					3,1	Ban quản lý dự án thuộc UBND Thành phố						

	…						…						
	..					3,2	Ban quản lý dự án thuộc UBND cấp xã						
	…						…						
	..					3,3	Ban quản lý dự án liên xã, phường						
	..						…						
	..					1,3	Các ĐVSNCL khác						
	..						…						
4	**Lĩnh vực Văn hóa, thông tin**					**4**	**Lĩnh vực Văn hóa, thông tin**						
	Trung tâm Văn hóa						Trung tâm Văn hóa						
	…						…						
5	**Lĩnh vực nông nghiệp, môi trường**					**5**	**Lĩnh vực nông nghiệp, môi trường**						
	Trung tâm phát triển quỹ đất						Trung tâm phát triển quỹ đất						
	…						**…**						
	ĐVSNCL khác						ĐVSNCL khác						
	…						…						

6	Các ĐVSNCL thuộc các ngành, lĩnh vực khác					6	Các ĐVSNCL thuộc các ngành, lĩnh vực khác						
	...						...						
7	ĐVSNCL cung cấp dịch vụ công cơ bản, thiết yếu thuộc UBND cấp xã					7	ĐVSNCL cung cấp dịch vụ công cơ bản, thiết yếu thuộc UBND cấp xã						
							...						
IV	Các doanh nghiệp					IV	Các doanh nghiệp						

PHỤ LỤC 9:
SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC THÀNH PHỐ ĐƯỢC ĐIỀU ĐỘNG, LUÂN CHUYỂN, BIỆT PHÁI VỀ HỖ TRỢ CẤP XÃ
(Từ ngày 01/7/2025 đến 30/5/2025)

STT	Cán bộ công chức, viên chức thuộc các sở, ban, ngành cấp Thành phố được điều động, luân chuyển, tăng cường, biệt phái về cấp xã hỗ trợ theo các lĩnh vực	Tổng số	Trong đó chia ra theo các khối, lãnh đạo, quản lý/công chức, viên chức								Ghi chú
			Trong đó là cán bộ lãnh đạo, quản lý/công chức, viên chức		Khối đảng		Khối chính quyền		Khối MTTQ, các đoàn thể		
			Cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp	Công chức, viên chức	Biệt phái (tăng cường hỗ trợ)	Điều động, luân chuyển	Biệt phái (tăng cường hỗ trợ)	Điều động, luân chuyển	Biệt phái (tăng cường hỗ trợ)	Điều động, luân chuyển	
1	Công tác tổ chức, xây dựng đảng										
2	Công tác Tuyên giáo, dân vận										
3	Công tác kiểm tra đảng										
4	Tài chính										
5	Nông nghiệp và môi trường										
6	Khoa học và công nghệ										
7	Nội vụ										
8	Tư pháp										
9	Xây dựng										
..	...										

PHỤ LỤC 10:

THỰC HIỆN PHÂN CẤP, PHÂN QUYỀN, NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO

STT	Cấp hành chính	Số nhiệm vụ						Số nhiệm vụ được bổ sung do phân cấp, phân quyền từ 01/7/2025- 30/5/2026						Tổng số nhiệm vụ (công việc) đã và đang thực hiện từ 01/7/2025 đến 30/5/2026			
		Tổng số nhiệm vụ tại thời điểm 30/6/2025	Số nhiệm vụ tại thời điểm 30/5/2026					Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ từ Trung ương, bộ, ngành chuyển về cấp Thành phố, cấp xã		Nhiệm vụ từ cấp Thành phố chuyển về cấp xã		Nhiệm vụ bổ sung mới, phân định thẩm quyền	Tổng số nhiệm vụ	Số nhiệm vụ hoàn thành đúng hạn	Số nhiệm vụ chậm, tồn đọng	Tỷ lệ sử dụng hệ thống số trong giao việc
			Tổng số nhiệm vụ	Số nhiệm vụ đã được quy định, hướng dẫn đầy đủ hồ sơ, thủ tục	Số nhiệm vụ chưa được quy định, hướng dẫn đầy đủ hồ sơ, thủ tục	Số nhiệm vụ do 1 cơ quan ở Thành phố Hà Nội thực hiện	Số nhiệm vụ do 1 cơ quan chủ trì và phải phối hợp với cơ quan khác thực hiện		Số lượng	Số cán bộ, công chức, viên chức chuyển theo nhiệm vụ	Số lượng	Số cán bộ, công chức, viên chức chuyển theo nhiệm vụ					
I	**Cấp Thành phố**																
1	Khối Đảng																
2	Hội đồng nhân dân																
3	Uỷ ban nhân dân																
4	Khối MTTQ, các đoàn thể																
II	**Cấp xã**																
1	Khối Đảng																
2	Hội đồng nhân dân																
3	Uỷ ban nhân dân																
4	Khối MTTQ, các đoàn thể																

PHỤ LỤC 11:

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, DỊCH VỤ CÔNG THỰC HIỆN TỪ NGÀY 01/7/2025 ĐẾN NGÀY 30/5/2026

TT	Cấp hành chính	Số thủ tục hành chính						Số thủ tục hành chính được giao bổ sung, tăng thêm mới từ 01/7/2025 - 30/5/2026				Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính đã và đang thực hiện từ 01/7/2025 đến 30/5/2026								
		Tổng số thủ tục hành chính tại thời điểm 30/6/2025	Số thủ tục hành chính tại thời điểm 30/5/2026					Tổng số thủ tục hành chính	Thủ tục hành chính từ Trung ương, bộ, ngành chuyển về cấp Thành phố, cấp xã	Thủ tục hành chính từ cấp Thành phố chuyển về cấp xã	Thủ tục bổ sung mới theo chức năng nhiệm vụ mới phát sinh	Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính	Số hồ sơ giải quyết trước hạn	Số hồ sơ giải quyết đúng hạn	Số hồ sơ giải quyết chậm hạn	Số hồ sơ đang giải quyết đúng hạn	Số hồ sơ đang giải quyết quá hạn	Tỷ lệ mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi đến giải quyết thủ tục hành chính		
			Tổng số thủ tục hành chính	Số thủ tục hành chính đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Số thủ tục hành chính đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần	Số thủ tục hành chính chưa cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Số thủ tục hành chính đã đơn giản hoá, dễ thực hiện											Rất hài lòng	Hài lòng	Không hài lòng
I	**Cấp Thành phố**																			
1	Khối Đảng																			
2	Hội đồng nhân dân																			
3	Uỷ ban nhân dân																			
4	Khối MTTQ, các đoàn thể																			
II	**Cấp xã**																			
1	Khối Đảng																			
2	Hội đồng nhân dân																			
3	Uỷ ban nhân dân																			
4	Khối MTTQ, các đoàn thể																			

PHỤ LỤC 12:
TỔNG THU, CHI NGÂN SÁCH CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2025 VÀ NĂM 2026

STT	Nội dung	Năm 2025		Kế hoạch, dự toán giao năm 2026		Số thực hiện đến 30/5/2026		Ghi chú
		Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng	
I	**Tổng thu ngân sách nhà nước**							
1	***Cấp Thành phố***							
2	***Cấp xã***							
II	**GRDP**							
1	***Cấp Thành phố***							
2	***Cấp xã***							
III	**Tổng chi ngân sách nhà nước**							
1	***Tổng chi cấp Thành phố***							
1.1	Tổng chi đầu tư phát triển							
1.2	Tổng chi thường xuyên							
-	Chi cho tổ chức bộ máy							
-	Chi sự nghiệp y tế							
-	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo							
-	Chi thường xuyên khác							
1.3	Các khoản chi khác							
2	***Tổng chi cấp xã***							
2.2	Tổng chi đầu tư phát triển							
2.2	Tổng chi thường xuyên							
-	Chi cho tổ chức bộ máy							
-	Chi sự nghiệp y tế							
-	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo							
-	Chi thường xuyên khác							
2.3	Các khoản chi khác							

PHỤ LỤC 13:
CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, ĐƠN THƯ, TỐ CÁO
(Từ ngày 01/7/2025 đến 30/5/2026)

STT	Nội dung	Số cuộc tiếp công dân	Số đơn thư, khiếu nại, tố cáo tồn đọng đến ngày 30/6/2025 chưa giải quyết và đang giải quyết	Số đơn thư, khiếu nại, tố cáo phát sinh	Số đơn thư, khiếu nại, tố cáo đã giải quyết dứt điểm	Số đơn thư, khiếu nại, tố cáo đang giải quyết	Số đơn thư, khiếu nại, tố cáo chưa giải quyết	Ghi chú
I	**Cấp Thành phố**							
1	Bí thư Thành ủy							
2	Chủ tịch UBND Thành phố							
3	Sở, ban, ngành Thành phố							
II	**Cấp xã**							
1	Bí thư Đảng ủy xã, phường							
2	Chủ tịch UBND xã, phường							
3	Các phòng ban chuyên môn							
*	**Tổng cộng: I+II**							

PHỤ LỤC 14:
MÔ HÌNH HAY, CÁCH LÀM SÁNG TẠO TRONG VẬN HÀNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP

TT	Lĩnh vực	Tên mô hình/cách làm	Kết quả, hiệu quả nổi bật	Khả năng nhân rộng *(Cao/TB/Thấp)*
1	Đổi mới phương thức điều hành			
2	Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ			
3	Phân cấp, phân quyền			
4	Chuyển đổi số trong điều hành			
5	Cải cách hành chính			
6	Phối hợp liên ngành			
7	Lĩnh vực khác			

Ghi chú:

- Chỉ lựa chọn các mô hình, cách làm đã triển khai thực tế, có hiệu quả rõ nét và có khả năng nhân rộng.
- Mỗi địa phương lựa chọn từ 03–05 mô hình tiêu biểu để báo cáo.

PHỤ LỤC 15:
KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

TT	Nội dung khó khăn, vướng mắc	Nguyên nhân chủ yếu	Tác động/ ảnh hưởng thực tế	Giải pháp/biện pháp xử lý trước mắt	Đề xuất, kiến nghị cụ thể	Thẩm quyền xử lý		Ghi chú
						Trung ương	Thành phố	
I	**CÔNG TÁC ĐẢNG**							
…								
II	**CÔNG TÁC HĐND**							
..								
III	**CÔNG TÁC UBND**							
…								
IV	**MTTQ, CÁC ĐOÀN THỂ**							
…								

Ghi chú:

(1) Khó khăn, vướng mắc phải cụ thể, có số liệu hoặc tình huống minh họa; hạn chế nêu chung chung.

(2) Làm rõ ảnh hưởng thực tế đến người dân, tổ chức hoặc tiến độ thực hiện nhiệm vụ.

(3) Giải pháp cần phân biệt biện pháp xử lý ngay và kiến nghị

(4) Kiến nghị phải xác định rõ nội dung cần tháo gỡ, cơ quan/cấp có thẩm quyền xử lý (Trung ương/Thành phố/xã, phường).

(5) Không tổng hợp các nội dung thuộc thẩm quyền địa phương tự giải quyết.